



www.vandientujaki.com

Hotline: **0978 67 1212**

VAN BI INOX 304 3 NGÃ NỐI REN CÓ TÁN LẮP ĐẦU ĐIỆN VÀ KHÍ NÉN

NHÃN HIỆU

TÊN SẢN PHẨM

Kết Nối

Thân Van

Nắp Van

Ty Van

Bi Van

Đệm Kín

Áp Lực

Nhiệt Độ

Kích Cỡ

Sử Dụng

Tình Trạng

DR

VAN BI 3 NGÃ NỐI REN CÓ GIÁ ĐỖ ISO 5211

Nối ren trong NPT / BSPT.

Thép không gỉ / Inox 316 / CF8M

Thép không gỉ / Inox 316 / CF8M

Thép không gỉ / Inox 316 / CF8M

Thép không gỉ / Inox 316 / CF8M

PTFE / Teflon

1000 WOG

-20°C → +230°C

1/4" inch → 2" inch ~ (DN 15A → DN 50A)

Nước, Dầu, Gas, Hóa chất,

Hàng có sẵn, mới 100



Direct Mount Ball Valve

**3-Way • Full Port • Threaded Connection • 1000 WOG •
with ISO Mounting Pad**



Features

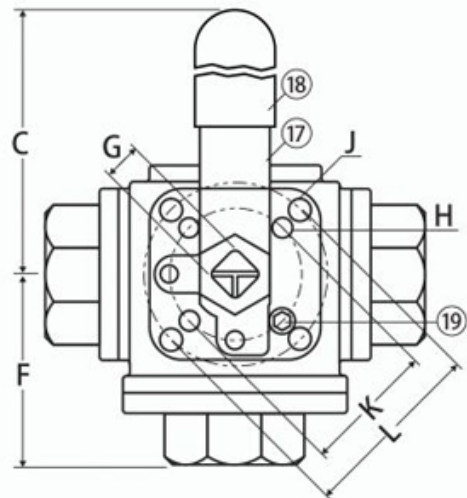
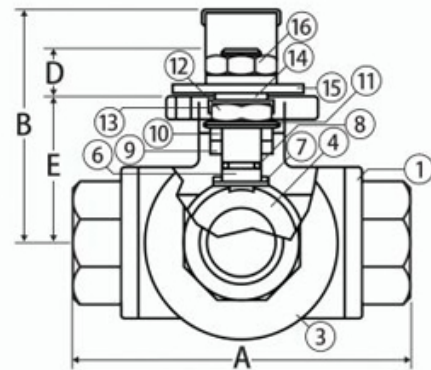
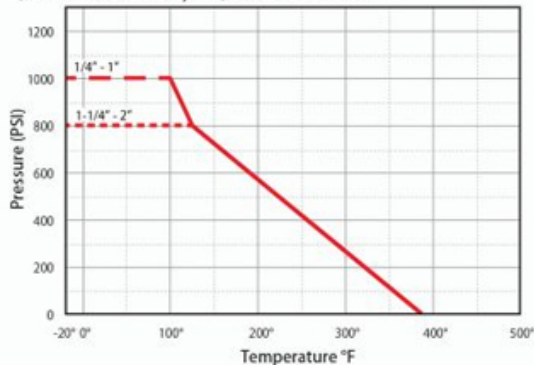
- ISO 5211 mounting pad
- Self adjusting stem packing
- Blow-out proof stem design
- Temperature range: -20°F to 450°F
- Four seat standard
- Locking device may be locked in open or closed position
- 100% tested
- Wetted surface contains less than .25% lead content

Approvals

- ANSI B1.20.1

Valve Seat Rating

1/4" - 1" 1000 WOG, 1-1/4" - 2" 800 WOG



Material Specifications

No.	Part	Materials	No.	Part	Materials
1	End Cap	CF8M	11	Disc Washer	SS301
2	Gasket*	PTFE	12	Stem Nut	SS304
3	Body	CF8M	13	Nut Stop	SS304
4	Ball	SS316	14	Space Washer	SS304
5	Seat*	PTFE	15	Stopper Plate	SS304
6	Stem	SS316	16	Handle Nut	SS304
7	Thrust Washer	RPTFE	17	Handle	SS304
8	O-Ring	Viton	18	Sleeve	Plastic
9	Stem Packing	PTFE	19	Stop Pin	SS304
10	Gland	SS304	*Not Shown		

Dimensions

Size	A	B	C	D	E	F	G	H	J	K	L	Port	Torque
1/4"	2.83	2.44	5.12	0.37	1.46	1.38	0.35	0.24	0.24	1.42	1.65	0.43	107
3/8"	2.83	2.44	5.12	0.37	1.46	1.38	0.35	0.24	0.24	1.42	1.65	0.47	107
1/2"	3.33	2.52	5.12	0.43	1.65	1.59	0.35	0.24	0.24	1.42	1.65	0.59	133
3/4"	3.94	3.23	6.50	0.55	1.93	1.95	0.43	0.24	0.28	1.65	1.97	0.79	160
1"	4.45	3.50	6.50	0.55	2.17	2.22	0.43	0.24	0.28	1.65	1.97	0.98	293
1-1/4"	4.94	3.86	8.07	0.67	2.48	2.44	0.55	0.28	0.36	1.97	2.76	1.26	532
1-1/2"	5.91	4.25	8.07	0.63	2.91	2.89	0.55	0.28	0.36	1.97	2.76	1.50	664
2"	6.85	5.51	12.80	0.83	3.62	3.43	0.67	0.36	0.45	2.76	4.02	1.97	744

Note: Torque is in (in-lb)

in part number must specify ball - T = T-port; L = L-port

Note: Information subject to change without notice.

Sản phẩm khác



Tên Sản Phẩm	KÍNH QUAN SÁT
Nhãn Hiệu	DR
Xuất Xứ	Đài Loan
Kết Nối	Mặt bích JIS10K / DIN PN16 / ANSI 150LB
Thân	Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC / Gang dẻo FCD
Nắp	Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC / Gang dẻo FCD
Đệm Kín	PTFE / TEFLON / Amiang phủ than chì
Áp Lực	DIN PN16 / CLASS 150 / JIS10K
Sử Dụng	Chất lỏng
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

[KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K](#)

[Xem thêm KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Trục Van
Bi Van
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Đơn Giá

DR

VAN BI 1 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304

Ren trong BSPT / NPT (2 đầu ren trong)

Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M/316 & CF8/304

Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316

Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316

Teflon - PTFE

Maximum 1000 WOG / PSI

DN 8A đến DN 50A ~ (1/2" inch → 2" inch)

Nước, nước thải, xăng, dầu, hóa chất, khí nén, hơi
nóng

Hàng có sẵn, mới 100%

Xin liên hệ

[VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC](#)

[Xem thêm VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM
Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng

DR
VAN BI 2 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 304
Ren trong - BSPT / NPT (Nối 2 đầu ren trong)
Thép không gỉ / CF8 / Inox 304
Thép không gỉ / CF8 / Inox 304
Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304
Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304
Teflon - PTFE
Max 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 100A (¼" inch đến 4" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, gas, hóa chất, khí nén,
hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%

[VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)

[Xem thêm VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ

—

DR
VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304
Ren trong - BSPT / NPT
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
4 đai ốc thép không gỉ / Inox SUS 304
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 50A (1/4" inch đến 2" inch)

Sử Dụng
Tình Trạng

Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%

VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN

[Xem thêm VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Nhiệt Độ
Kích Cỡ
Sử Dụng
Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

DR
VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI HÀN INOX
316-304
Hàn đối đầu - (B/W)
Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG/PSI
Max 200°C
DN 15A đến DN 50A ~ (1/2" inch đến 2" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%
Đài Loan
Xin liên hệ

VAN BI HÀN INOX 3 MẢNH

[Xem thêm VAN BI HÀN INOX 3 MẢNH](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Định Hướng
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van

Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

DR

VAN BI 3 NGÃ NỐI REN INOX 316/ 304

Ren trong - BS PT, NPT (Nối 3 đầu ren trong)

Đóng & Mở : Kiểu Chữ L & T

Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304

Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304

Thép không gỉ- Inox SS 304 & SS 316

Thép không gỉ- Inox A351/ SUS 316 & A351/
SUS 304

Ron Teflon - PTFE

1000 WOG-PSI

DN 8A → DN 50A ~ (1/4" inch → 2" inch)

Nước, nước thải, hóa chất, dầu, gas, khí nén, hơi
nóng, ...

Hàng có sẵn, mới 100%

Đài Loan

Xin liên hệ

[VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)

[Xem thêm VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)